

BỘ Y TẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 705 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học hạt nhân”

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học hạt nhân của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học hạt nhân”, gồm 110 quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học hạt nhân” ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ vào tài liệu hướng dẫn này và điều kiện cụ thể của đơn vị, Giám đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học hạt nhân phù hợp để thực hiện tại đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thủ trưởng BYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BYT;
- Website Cục QL KCB;
- Lưu:VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
Y THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Xuyên

**DANH SÁCH HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHUYÊN NGÀNH Y HỌC HẠT NHÂN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 705 ngày 28 tháng 02 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
1.	Xạ hình não với ^{99m} Tc-Pertechnetat
2.	Xạ hình não với ^{99m} Tc-DTPA
3.	Xạ hình não với ^{99m} Tc-HMPAO
4.	SPECT não với ^{99m} Tc-Pertechnetat
5.	SPECT não với ^{99m} Tc-DTPA
6.	SPECT não với ^{99m} Tc-HMPAO
7.	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{99m} Tc-DTPA
8.	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức (Stress) với ^{99m} Tc-MIBI
9.	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức (Rest) với ^{99m} Tc-MIBI
10.	Xạ hình tưới máu cơ tim gắng sức (Stress) với ²⁰¹ Tl
11.	Xạ hình tưới máu cơ tim không gắng sức (Rest) với ²⁰¹ Tl
12.	Xạ hình chức năng tim pha sớm
13.	Xạ hình nhồi máu cơ tim với ^{99m} Tc-Pyrophosphat
14.	Xạ hình nhồi máu cơ tim với ¹¹¹ In-Anti Myosin
15.	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức (Stress) với ^{99m} Tc-MIBI
16.	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức (Rest) với ^{99m} Tc-MIBI
17.	SPECT tưới máu cơ tim gắng sức (Stress) với ²⁰¹ Tl
18.	SPECT tưới máu cơ tim không gắng sức (Rest) với ²⁰¹ Tl
19.	SPECT chức năng tim pha sớm
20.	SPECT nhồi máu cơ tim với ^{99m} Tc-Pyrophosphat
21.	SPECT nhồi máu cơ tim với ¹¹¹ In-Anti Myosin
22.	Xạ hình mạch máu
23.	Xạ hình bạch mạch với ^{99m} Tc-Sulfur Colloid

24.	Xạ hình với ^{99m}Tc -Bạch cầu đánh dấu HMPAO
25.	SPECT gan với ^{99m}Tc -Sulfur colloid (Phytat)
26.	Xạ hình chẩn đoán chức năng thực quản và trào ngược dạ dày - thực quản với ^{99m}Tc -Sulfur Colloid (Phytat) hoặc ^{99m}Tc -DTPA
27.	Xạ hình chẩn đoán chức năng co bóp dạ dày với ^{99m}Tc -Sulfur colloid (Phytat) hoặc ^{99m}Tc -DTPA
28.	Xạ hình chẩn đoán xuất huyết tiêu hóa với hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc hoặc ^{99m}Tc -Sulfur colloid
29.	Xạ hình chẩn đoán túi thừa Meckel với ^{99m}Tc -Pertechnetat
30.	Xạ hình lách với ^{99m}Tc -Sulfur colloid (Phytat)
31.	Xạ hình gan với ^{99m}Tc -Sulfur colloid (Phytat)
32.	Xạ hình gan - mật với ^{99m}Tc -HIDA
33.	Xạ hình u máu trong gan với hồng cầu đánh dấu ^{99m}Tc
34.	SPECT xương, khớp với ^{99m}Tc -MDP
35.	Xạ hình xương, khớp với ^{99m}Tc -MDP
36.	Xạ hình xương 3 pha
37.	SPECT khối u với ^{99m}Tc -MIBI
38.	SPECT chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
39.	SPECT chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
40.	SPECT chẩn đoán khối u với ^{111}In -Pentetreotid
41.	SPECT chẩn đoán u phổi
42.	SPECT chẩn đoán u vú
43.	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{131}I -MIBG
44.	SPECT chẩn đoán u nguyên bào thần kinh với ^{123}I -MIBG
45.	Kỹ thuật phát hiện hạch gác bằng đầu dò gamma
46.	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{99m}Tc -MIBI
47.	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{67}Ga
48.	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{201}Tl
49.	Xạ hình chẩn đoán khối u với ^{111}In -Pentetreotid
50.	Xạ hình u nguyên bào thần kinh với ^{131}I -MIBG
51.	Xạ hình u nguyên bào thần kinh với ^{123}I -MIBG
52.	Đo độ tập trung ^{131}I tuyến giáp
53.	Xạ hình toàn thân với ^{131}I
54.	Xạ hình tuyến giáp với ^{131}I
55.	Xạ hình tuyến giáp sau phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần với ^{131}I

56.	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với ^{131}I
57.	Xạ hình tuyến giáp và đo độ tập trung tuyến giáp với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -pertechnetat
58.	Xạ hình tuyến giáp với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -pertechnetat
59.	Xạ hình tuyến lệ với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -Pertechnetat
60.	Xạ hình tuyến nước bọt
61.	Xạ hình tuyến cận giáp với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -MIBI
62.	Xạ hình tưới máu phổi với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -Macroaggregated albumin ($^{99\text{m}}\text{Tc}$ -MAA)
63.	Xạ hình thông khí phổi với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -DTPA
64.	Xạ hình thận với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -DMSA
65.	Xạ hình chức năng thận với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ – DTPA
66.	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{131}I – MIBG
67.	Xạ hình tuyến thượng thận với ^{123}I – MIBG
68.	Xạ hình tinh hoàn với $^{99\text{m}}\text{Tc}$ -Pertechnetat
69.	SPECT thận
70.	SPECT tuyến thượng thận với ^{131}I – MIBG
71.	SPECT tuyến thượng thận với ^{123}I –MIBG
72.	PET/CT chẩn đoán khối u với ^{18}F FDG
73.	PET/CT với ^{18}F FDG chẩn đoán bệnh hệ thần kinh
74.	PET/CT với ^{18}F FDG chẩn đoán bệnh sa sút trí tuệ
75.	PET/CT với ^{18}F FDG chẩn đoán bệnh Alzheimer
76.	PET/CT với ^{18}F FDG chẩn đoán bệnh Parkinson
77.	PET/CT với ^{18}F FDG chẩn đoán bệnh suy giảm trí nhớ
78.	PET/CT với ^{18}F FDG đánh giá sự sống còn của cơ tim
79.	PET/CT mô phỏng xạ trị 3D
80.	PET/CT mô phỏng xạ trị điều biến liều (IMRT)
81.	Định lượng GH (Grown Hormon) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
82.	Định lượng kháng thể kháng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
83.	Định lượng Insulin bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
84.	Định lượng Thyroglobuline (Tg) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
85.	Định lượng kháng thể kháng Tg (Anti Tg) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
86.	Định lượng Micro Albumin niệu bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
87.	Định lượng Triiodthyronine (T_3) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
88.	Định lượng FT_3 bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ

89.	Định lượng Tetraiodothyronine (T ₄) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
90.	Định lượng FT ₄ bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
91.	Định lượng TSH bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ (RIA – hTSH)
92.	Định lượng TRAb bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
93.	Định lượng AFP (Alphafetoprotein) bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ
94.	Điều trị ung thư tuyến giáp bằng ¹³¹ I
95.	Điều trị Basedow bằng ¹³¹ I
96.	Điều trị bướu giáp đơn thuần bằng ¹³¹ I
97.	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng ¹³¹ I
98.	Điều trị tràn dịch màng phổi do ung thư bằng keo phóng xạ ⁹⁰ Y
99.	Điều trị tràn dịch màng bụng do ung thư bằng keo phóng xạ ⁹⁰ Y
100.	Điều trị ung thư vú bằng hạt phóng xạ ¹²⁵ I
101.	Điều trị ung thư tiền liệt tuyến bằng hạt phóng xạ ¹²⁵ I
102.	Điều trị viêm bao hoạt dịch bằng keo phóng xạ ⁹⁰ Y
103.	Điều trị bệnh đa hồng cầu nguyên phát bằng ³² P
104.	Điều trị u máu nông bằng tẩm áp ³² P
105.	Điều trị giảm đau do ung thư di căn xương bằng thuốc phóng xạ
106.	Điều trị u nguyên bào thần kinh bằng ¹³¹ I – MIBG
107.	Điều trị u tủy thượng thận bằng ¹³¹ I – MIBG
108.	Điều trị u lympho ác tính không Hodgkin (NHL) bằng kháng thể đơn dòng gắn phóng xạ ¹³¹ I – Rituximab
109.	Điều trị ung thư gan nguyên phát bằng ¹⁸⁸ Re gắn Lipiodol
110.	Điều trị ung thư gan bằng hạt vi cầu phóng xạ ⁹⁰ Y

(Tổng số 110 quy trình kỹ thuật)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Xuyên